SỞ Y TẾ TỈNH LÀO CAI **BỆNH VIỆN ĐA KHOA SỐ 4**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:318/QĐ-BV	*Sa Pa, ngày 21 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc
Dự toán mua sắm: Mua bổ sung vị thuốc y học cổ truyền (76 Phần) phục vụ công tác khám, chữa bệnh 3 tháng cuối năm, năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa số 4 tỉnh Lào Cai

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA SỐ 4 TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 133/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ, Nghị định số 170/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ và Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc có ít nhất 3 hãng sản xuất trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 04/2024/TT-BYT ngày 20 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục mua sắm tập trung cấp Quốc gia đối với thuốc;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Bộ Y tế quy định danh mục thuốc, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành qui chế Bệnh viện, qui định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Bệnh viện;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng

tài sản công thuộc phạm vĩ quản lý của tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 08 tháng 07 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Ban hành Nghị quyết tiếp tục thực hiện, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công và mua săm tài sản, hàng hóa, dịch vụ trong lĩnh vực khoa học công nghệ thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dẫn tỉnh trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 2825/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Lào Cai về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy Bệnh viện Đa khoa số 4 tỉnh Lào Cai trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thuốc và điều trị của Bệnh viện Đa khoa số 4 Lào Cai ngày 18 tháng 09 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 317/QĐ-BV ngày 18/09/2026 của Bệnh viện Đa khoa số 4 tỉnh Lào Cai phê duyệt nguồn vốn, danh mục, số lượng và yêu cầu kỹ thuật dự toán mua sắm: Mua bổ sung vị thuốc y học cổ truyền (76 Phần) phục vụ công tác khám, chữa bệnh 3 tháng cuối năm, năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa số 4 tỉnh Lào Cai;

Theo đề nghị của Tổ xây dựng KHLCNT tại Tờ trình số 17/TTr-TXDKHLCNT ngày 18 tháng 09 năm 2026 về việc trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc dự toán mua sắm: Mua bổ sung vị thuốc y học cổ truyền (76 Phần) phục vụ công tác khám, chữa bệnh 3 tháng cuối năm, năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa số 4 tỉnh Lào Cai

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc dự toán mua sắm: Mua bổ sung vị thuốc y học cổ truyền (76 Phần) phục vụ công tác khám, chữa bệnh 3 tháng cuối năm, năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa số 4 tỉnh Lào Cai, với nội dung chi tiết theo phụ lục I, phụ lục II đính kèm.

Điều 2. Giao Tổ xây dựng KHLCNT, Phòng TCHC-TCKT chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Tổ trưởng Tổ xây dựng KHLCNT, Phụ trách Khoa Dược VTYT, Trưởng Phòng Kế hoạch-Tài chính, các khoa/phòng và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Sở Y tế (bc);
- Ban giám đốc BV;
- Lưu: VT, HSĐT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH LÀO CAI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA SỐ 4 TỈNH LÀO CAI

Ký bởi: BỆNH VIỆN ĐA KHOA SỐ 4 TỈNH LÀO CAI
Ngày ký: 21-09-2026 15:16:52 +07:00

Phạm Lê Trung

PHỤ LỤC I: KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự toán mua sắm: Mua bổ sung vị thuốc y học cổ truyền (76 Phần) phục vụ công tác khám, chữa bệnh 3 tháng cuối năm, năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa số 4 tỉnh Lào Cai

(Kèm Quyết định số 318 /QĐ-BV ngày 21 tháng 9 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa số 4 tỉnh Lào Cai)

BỆNH VIỆN ĐA KHOA SỐ 4 TỈNH LÀO CAI

Ký bởi: BỆNH VIỆN ĐA KHOA SỐ 4 TỈNH LÀO CAI
Ngày ký: 21-09-2026 15:17:08 +07:00

Stt	Chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (vnđ)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Bệnh viện Đa khoa số 4 tỉnh Lào Cai	Mua bổ sung vị thuốc y học cổ truyền (76 phần) Phục vụ công tác khám, chữa bệnh 3 tháng cuối năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa số 4 tỉnh Lào Cai	76 danh mục thuốc	105.311.180	Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; nguồn thu do cơ quan Bảo hiểm xã hội thanh toán; nguồn thu hợp pháp khác của Bệnh viện	Chào giá trực tuyến rút gọn	-	30 ngày	Tháng 9/2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không áp dụng	Không đề xuất
Tổng giá gói thầu:				**105.311.180**									

PHỤ LỤC II: DANH MỤC THUỐC

Gói thầu: Mua bổ sung vị thuốc y học cổ truyền (76 Phần) phục vụ công tác khám, chữa bệnh 3 tháng cuối năm, năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa số 4 tỉnh Lào Cai

(Kèm theo Quyết định số 318 /QĐ-BV ngày 21 tháng 9 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa số 4 tỉnh Lào Cai)

STT	Tên vị thuốc	Nhóm tiêu chí kỹ thuật	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền
1	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục Linh)	Nhóm 2	Thể quả nấm	Poria	Thái phiến	Kg	5	157,500	787,500
2	Bạch thược	Nhóm 2	Rễ	Radix Paeoniae lactiflorae	Thái phiến	Kg	8	354,900	2,839,200
3	Bạch truật	Nhóm 2	Thân rễ	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	Sao cám mật ong	Kg	8	189,000	1,512,000
4	Ba kích	Nhóm 2	Rễ	Radix Morindae officinalis	Chích rượu	Kg	10	632,000	6,320,000
5	Cam thảo	Nhóm 2	Rễ	Radix Glycyrrhizae	Chích mật	Kg	8	173,250	1,386,000
6	Cát căn	Nhóm 2	Rễ	Radix Puerariae thomsonii	phiến	Kg	2	105,000	210,000
7	Câu đằng	Nhóm 2	Thân, cành có gai móc câu	Ramulus cum unco Uncariae	Sơ chế	Kg	3	225,000	675,000
8	Câu kỷ tử	Nhóm 2	Quả	Fructus Lycii	Sơ chế	Kg	12	264,600	3,175,200
9	Cẩu tích	Nhóm 2	Thân rễ	Rhizoma Cibotii	Sao	kg	8	98,700	789,600

SỞ Y TẾ TỈNH LÀO CAI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA SỐ 4 TỈNH LÀO CAI
Ký bởi: BỆNH VIỆN ĐA KHOA SỐ 4
Cơ quan: TỈNH LÀO CAI
Ngày ký: 21-09-2026 15:17:24 +07:00

10	Cốt toái bổ	Nhóm 2	Thân rễ	Rhizoma Drynariae	Sao vàng	Kg	8	130,200	1,041,600
11	Đại táo	Nhóm 2	Quả	Fructus Ziziphi jujubae	Sơ chế	Kg	10	90,300	903,000
12	Đảng sâm	Nhóm 2	Rễ	Radix Codonopsis	Chích gừng	Kg	8	501,900	4,015,200
13	Đào nhân	Nhóm 2	Hạt	Semen Pruni	Sao vàng	Kg	2	677,250	1,354,500
14	Dây đau xương	Nhóm 2	Thân	Caulis Tinosporae tomentosae	Thái phiến	Kg	5	84,000	420,000
15	Độc hoạt	Nhóm 2	Rễ	Radix Angelicae pubescentis	Thái phiến	Kg	7	187,950	1,315,650
16	Đỗ trọng	Nhóm 2	Vỏ thân	Cortex Eucommiae	Thái phiến	Kg	10	144,000	1,440,000
17	Đương quy (Toàn quy, Quy đầu, Quy vỹ/quy râu)	Nhóm 2	Rễ	Radix Angelicae sinensis	Chích rượu	Kg	10	489,300	4,893,000
18	Hạnh nhân	Nhóm 2	Hạt	Semen Armeniacae amarum	Sao vàng	Kg	2	362,250	724,500
19	Hà thủ ô đỏ	Nhóm 2	Rễ	Radix Fallopiae multiflorae	Chế với đậu đen	Kg	10	262,500	2,625,000
20	Hoài sơn	Nhóm 2	Củ	Tuber Dioscoreae persimilis	Sao cám	Kg	5	120,750	603,750
21	Hoàng bá	Nhóm 2	vỏ thân và vỏ cành	Cortex Phellodendri	Chích muối ăn	Kg	1	449,000	449,000
22	Hoàng kỳ (Bạch kỳ)	Nhóm 2	Rễ	Radix Astragali membranacei	Chích mật	Kg	6	224,700	1,348,200

SỞ Y TẾ TỈNH LÀO CAI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA SỐ 4 TỈNH LÀO CAI

Ký bởi: BỆNH VIỆN ĐA KHOA SỐ 4 TỈNH LÀO CAI
Ngày ký: 21-09-2026 15:17:29 +07:00

23	Hòe hoa	Nhóm 2	Nụ hoa	Flos Styphnolobii japonici	Sao vàng	Kg	4	189,000	756,000
24	Hồng hoa	Nhóm 2	Hoa	Flos Carthami tinctorii	Sơ chế	Kg	1	604,800	604,800
25	Hương phụ	Nhóm 2	Thân rễ	Rhizoma Cyperi	Tứ chế	Kg	8	109,999	879,992
26	Huyền sâm	Nhóm 2	Rễ	Radix Scrophulariae	Thái phiến	Kg	5	124,500	622,500
27	Hy thiêm	Nhóm 2	Phần trên mặt đất	Herba Siegesbeckiae	Sơ chế	Kg	5	109,000	545,000
28	Khương hoàng/Uất kim	Nhóm 2	Thân rễ	Rhizoma Curcumae longae	Thái phiến	Kg	2	124,110	248,220
29	Khương hoạt	Nhóm 2	Thân rễ và rễ	Rhizoma et Radix Notopterygii	Thái phiến	Kg	6	130,998	785,988
30	Kim ngân hoa	Nhóm 2	Cụm hoa	Flos Lonicerae	sơ chế	Kg	2	670,950	1,341,900
31	Lạc tiên	Nhóm 2	Phần trên mặt đất	Herba Passiflorae	Sơ chế	Kg	8	84,000	672,000
32	Liên nhục	Nhóm 2	Hạt	Semen Nelumbinis	Sao vàng	Kg	11	151,200	1,663,200
33	Long nhãn	Nhóm 2	Áo hạt	Arillus Longan	Sơ chế	Kg	10	287,910	2,879,100
34	Mộc hương	Nhóm 2	Rễ	Radix Saussureae lappae	Thái phiến	Kg	1	278,250	278,250
35	Ngũ gia Bì chân chim	Nhóm 2	Vỏ thân	Cortex Schefflerae heptaphyllae	Sơ chế	Kg	8	99,000	792,000

36	Ngưu tất	Nhóm 2	Rễ	Radix Achyranthis bidentatae	Chích rượu	Kg	8	207,900	1,663,200
37	Nhục thung dung	Nhóm 2	Toàn cây trừ rễ	Herba Cistanches	Thái phiến	Kg	8	863,100	6,904,800
38	Phòng phong	Nhóm 2	Rễ	Radix Saposhnikoviae divaricatae	Thái phiến	Kg	5	703,000	3,515,000
39	Quế chi	Nhóm 2	Cành	Ramulus Cinnamomi	sơ chế	Kg	3	85,890	257,670
40	Sài hồ	Nhóm 2	Rễ	Radix Bupleuri	Sơ chế	Kg	2	711,900	1,423,800
41	Sa sâm	Nhóm 2	Rễ	Radix Glehniae	Thái phiến	Kg	4	591,000	2,364,000
42	Sinh địa	Nhóm 2	Rễ	Radix Rehmanniae glutinosae	Sơ chế	Kg	5	180,600	903,000
43	Sơn thù	Nhóm 2	Quả	Fructus Corni officinalis	chế rượu	Kg	2	409,500	819,000
44	Tần giao	Nhóm 2	Rễ	Radix Gentianae macrophyllae	Thái phiến	Kg	5	545,000	2,725,000
45	Táo nhân (Toan táo nhân)	Nhóm 2	Hạt	Semen Ziziphi mauritianae	Sao đen	Kg	8	821,000	6,568,000
46	Thiên môn đông	Nhóm 2	Rễ	Radix Asparagi cochinchinensis	Sơ chế	Kg	2	525,000	1,050,000
47	Thiên niên kiện	Nhóm 2	Thân rễ	Rhizoma Homalomenae occultae	Thái phiến	Kg	6	150,000	900,000
48	Thổ phục linh	Nhóm 2	Thân rễ	Rhizoma Smilacis glabrae	Thái phiến	Kg	3	110,040	330,120

SỞ Y TẾ TỈNH LÀO CAI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA SỐ 4 TỈNH LÀO CAI
Ký bởi: BỆNH VIỆN ĐA KHOA SỐ 4 TỈNH LÀO CAI
Ngày ký: 21-09-2026 15:17:35 +07:00

49	Thục địa	Nhóm 2	Rễ	Radix Rehmanniae glutinosae praeparata	Phức chế	Kg	8	189,000	1,512,000
50	Thương truật	Nhóm 2	Thân rễ	Rhizoma Atractylodis	Sao qua	Kg	3	451,500	1,354,500
51	Trần bì	Nhóm 2	Vỏ quả	Pericarpium Citri reticulatae perenne	Sao vàng	Kg	3	123,000	369,000
52	Tục đoạn	Nhóm 2	Rễ	Radix Dipsaci	Thái phiến	Kg	3	199,500	598,500
53	Xích thược	Nhóm 2	Rễ	Radix Paeoniae	Thái phiến	Kg	2	441,000	882,000
54	Xuyên khung	Nhóm 2	Thân rễ	Rhizoma Ligustici wallichii	Chích rượu	Kg	6	189,000	1,134,000
55	Ý dĩ	Nhóm 2	Hạt	Semen Coicis	Sao vàng với cám	Kg	5	89,880	449,400
56	Hoàng cầm	Nhóm 2	Rễ	Radix Scutellariae	Chích rượu	Kg	1	317,000	317,000
57	Cúc hoa	Nhóm 2	Cụm hoa	Flos Chrysanthemi indici	Sấy	Kg	1	548,940	548,940
58	Hoàng liên	Nhóm 2	Thân rễ	Rhizoma Coptidis	Chích rượu	Kg	1	2,084,250	2,084,250
59	Viễn chí	Nhóm 2	Rễ	Radix Polygalae	Chích cam thảo	Kg	3	1,350,000	4,050,000
60	Bạch biển đậu	Nhóm 2	Hạt	Semen Lablab	Sao vàng	Kg	2	111,300	222,600
61	Bách bộ	Nhóm 2	Rễ	Radix Stemonae tuberosae	Chích mật ong	Kg	2	273,000	546,000

SỞ Y TẾ TỈNH LÀO CAI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA SỐ 4 TỈNH LÀO CAI

Ký bởi: BỆNH VIỆN ĐA KHOA SỐ 4 TỈNH LÀO CAI
Ngày ký: 21-09-2026 15:17:39 +07:00

62	Phục thần	Nhóm 2	Nấm (dạng quả thể)	Poria	Thái phiến	Kg	6	525,000	3,150,000
63	Chỉ thực	Nhóm 2	Quả	Fructus Aurantii immaturus	Thái phiến	Kg	2	185,000	370,000
64	Chi tử	Nhóm 2	Quả	Fructus Gardeniae	Vi sao	Kg	1	315,000	315,000
65	Khiếm Thực	Nhóm 2	Hạt	Semen Eryales	Sao vàng	kg	3	310,000	930,000
66	Kim tiền thảo	Nhóm 2	Phần trên mặt đất	Herba Desmodii styracifolii	Thái phiến	Kg	1	109,000	109,000
67	Mẫu đơn bì	Nhóm 3	Vỏ rễ	Cortex Paeoniae suffruticosae	Thái phiến	Kg	2	672,000	1,344,000
68	Ngưu bàng tử	Nhóm 2	Quả	Fructus Arctii lappae	Sao vàng	Kg	3	302,400	907,200
69	Ngũ vị tử	Nhóm 2	Quả	Fructus Schisandrae	Tẩm giấm	Kg	2	354,000	708,000
70	Phá cố chỉ (Bổ cốt chỉ)	Nhóm 2	Quả	Fructus Psoraleae corylifoliae	Chế muối	Kg	2	185,850	371,700
71	Sơn tra	Nhóm 2	Quả	Fructus Mali	Sao đen	Kg	2	110,000	220,000
72	Thăng ma	Nhóm 2	Thân rễ	Rhizoma Cimicifugae	Thái phiến	Kg	1	588,000	588,000
73	Thảo quyết minh	Nhóm 2	Hạt	Semen Cassiae torae	Sao cháy	Kg	3	79,000	237,000
74	Tô mộc	Nhóm 2	Gỗ lõi	Lignum sappan	Sơ chế	Kg	2	122,850	245,700

SỞ Y TẾ TỈNH LÀO CAI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA SỐ 4 TỈNH LÀO CAI
Ký bởi: BỆNH VIỆN ĐA KHOA SỐ 4 TỈNH LÀO CAI
Ngày ký: 21-09-2026 15:17:43 +07:00

75	Tri mẫu	Nhóm 2	Thân rễ	Rhizoma Anemarrhenae	Chích muối	Kg	2	351,750	703,500
76	Xa tiền tử	Nhóm 2	Hạt	Semen Plantaginis	Chích muối	Kg	1	723,450	723,450
	Tổng số: 76 mặt hàng								**105.311.180**